

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 19-01-2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự - vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Phước Tâm** và bà **Võ Thị Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 345/2021/QĐST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Thị H**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp 4, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị H: Ông **Trần Hà Xuân P** - sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 306 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2021).

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 3, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp 3, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông **Trần Hà Xuân P**, bà **Nguyễn Thị Thanh T** có mặt; ông **Nguyễn Văn H** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông **Trần Hà Xuân P** là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

Ngày 12/5/2015, bà H có cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 19.000.000 đồng, khi vay bà T là người nhận tiền và ghi biên nhận vay tiền, mục đích vay là để mua sắm tài sản trong nhà nhưng không có ghi trong biên nhận. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì yêu cầu bà T trả lại. Đến tháng 12/2020 do cần tiền nên bà H yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay gốc là 19.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 19/01/2022) là 7.000.000 đồng theo như thỏa thuận của hai bên, như vậy tổng cộng cả tiền vay gốc và lãi suất là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh T cùng trả nợ cho bà, tuy nhiên đến tại phiên tòa thì bà H cho rằng chỉ có một mình bà T trực tiếp thỏa thuận vay tiền, bà T vay tiền để chi tiêu trong gia đình nhưng bà không có gì chứng minh nên nay bà H xác định không có liên quan gì đến ông Nguyễn Văn H1 và xin rút lại toàn bộ yêu cầu đối với ông H1.

**** Theo văn bản ý kiến đề ngày 19/01/2022 và lời trình bày tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày như sau:***

Bà T thừa nhận ngày 12/5/2015 có vay của bà Dương Thị H số tiền 19.000.000 đồng, việc vay tiền có xác lập biên nhận do chính bà viết và ký tên. Khi vay tiền chỉ có mình bà thỏa thuận vay tiền với bà H, trong biên nhận cũng chỉ có mình bà ký tên, số nợ này hoàn toàn không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn H1. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay bà vẫn chưa có khả năng trả tiền cho bà H.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T đồng ý trả cho bà Dương Thị H số tiền vay gốc là 19.000.000 đồng và đồng ý tính lãi đến ngày 19/01/2022 số tiền là 7.000.000 đồng. Tổng cộng cả tiền vay gốc và lãi suất là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của **ông H1**.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm 01 Biên nhận viết tay trên giấy tập học sinh đề ngày 12/5/2015, ghi họ tên Nguyễn Thị Thanh T (bản chính); 01 đơn xác nhận tên thường gọi, có xác nhận của UBND xã Phong Mỹ (bản chính). Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận chứng cứ mà phía nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án là đúng, bị đơn đã biết và cũng không có ý kiến gì nên không có yêu cầu sao chụp lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 21/12/2021 và ngày 19/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời ông H1 cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bà Dương Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới với bà T trả số tiền vay gốc là 19.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử. Xét thấy việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm liên đới với bà T trong việc trả nợ.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 12/5/2015, giữa bà Dương Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh T có thỏa thuận vay tiền với nhau, số tiền thỏa thuận vay là 19.000.000 đồng, việc vay tiền đã được bà H chứng minh bằng Biên nhận đề ngày 12/5/2015, đã thể hiện đúng như lời trình bày của bà H. Theo văn bản ý kiến đề ngày 19/01/2022 và lời trình bày tại phiên tòa, bà T thừa nhận có vay tiền của bà H số tiền 19.000.000 đồng như lời trình bày của bà H, do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên từ ngày vay đến nay bà vẫn chưa có khả năng trả nợ cho bà H, nay bà cũng đồng ý trả số tiền vay 19.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay nêu trên là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu về lãi suất, theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất đối với số tiền vay 19.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay đến khi kết thúc vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất với số tiền là 7.000.000 đồng, không quy định thời hạn vay, do đó bà chỉ đồng ý trả lãi suất cho bà H với số tiền là 7.000.000 đồng. Bà H không chứng minh được mức lãi suất như đã ghi trong đơn khởi kiện nên cũng đồng ý với lời trình bày của bà T là mức lãi suất thỏa thuận là 7.000.000 đồng; do đó, bà H thay đổi yêu cầu đối với phần lãi suất, bà chỉ yêu cầu bà T phải trả lãi suất vay đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 7.000.000 đồng.

[6] Theo văn bản ý kiến và lời trình bày của bà T tại phiên tòa, bà đồng ý một mình bà có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay gốc là 19.000.000 đồng và lãi suất là 7.000.000 đồng, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà Dương Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh T.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh T cùng trả nợ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Dương Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị H số tiền vay gốc là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) và lãi suất là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), tổng số tiền mà bà T phải trả cho bà H là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng).

- Bà Dương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012690 ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Dương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Điệp - Phạm Phước Tâm

Trương Trường Chinh